

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP TRƯỜNG SƠN



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 01a-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		381.605.158.910	350.035.338.535
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	65.860.531.119	34.600.740.604
1. Tiền	111		65.860.531.119	34.600.740.604
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.9	3.011.575.963	2.805.692.482
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		3.011.575.963	2.805.692.482
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		220.165.765.271	212.292.658.479
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	205.979.257.391	204.483.995.071
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	14.482.451.260	5.216.325.338
3. Các khoản phải thu khác	136	5.4.	60.272.100	3.161.328.550
4. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137	5.8	(356.215.480)	(568.990.480)
IV. Hàng tồn kho	140	5.5.	92.342.001.617	99.538.292.432
1. Hàng tồn kho	141		92.342.001.617	99.538.292.432
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		225.284.940	797.954.538
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6.	-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	551.913.214
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà	153	5.14	225.284.940	246.041.324
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		204.269.910.171	211.165.772.971
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10.170.974.558	10.170.974.558
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		10.170.974.558	10.170.974.558
II. Tài sản cố định	220		157.171.725.046	167.160.090.175
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10.	157.171.725.046	167.160.090.175
- Nguyên giá	222		290.199.199.465	285.070.216.273
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(133.027.474.419)	(117.910.126.098)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.7.	32.348.339.963	31.476.813.706
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		32.348.339.963	31.476.813.706
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.9.	-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.578.870.604	2.357.894.532
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6.	4.578.870.604	2.357.894.532
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		585.875.069.081	561.201.111.506

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 01a-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		213.011.092.496	198.249.730.750
I. Nợ ngắn hạn	310		204.412.632.293	183.238.642.863
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12.	54.301.651.977	74.310.233.847
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13.	45.625.994.429	8.676.102.689
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14.	4.926.282.576	1.054.562.811
4. Phải trả người lao động	314		-	-
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15.	226.918.665	-
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16.	-	9.185.620.905
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.11.	99.318.017.250	89.998.355.215
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		13.767.396	13.767.396
II. Nợ dài hạn	330		8.598.460.203	15.011.087.887
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.16.	-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.11.	8.598.460.203	15.011.087.887
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		372.863.976.585	362.951.380.756
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.17.	372.863.976.585	362.951.380.756
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		350.000.000.000	350.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		350.000.000.000	350.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Lợi nhuận chưa phân phối	421		22.863.976.585	12.951.380.756
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		9.940.862.180	9.940.862.180
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		12.923.114.405	3.010.518.576
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		585.875.069.081	561.201.111.506

Hà Nam, ngày 19 tháng 01 năm 2024

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Thị Hằng

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Đặng Thị Chinh

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đoàn Văn Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV năm 2023

Mẫu số B 02a-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	224.928.325.227	144.145.186.393	369.682.728.427	470.144.324.411
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		63.561.551	5.601.000	416.358.198	524.070.200
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		224.864.763.676	144.139.585.393	369.266.370.229	469.620.254.211
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	202.120.646.820	130.205.933.705	326.793.927.285	425.449.273.135
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		22.744.116.856	13.933.651.688	42.472.442.944	44.170.981.076
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	159.183.427	97.532.148	284.073.163	133.294.060
7. Chi phí tài chính	22	6.4	2.748.779.414	2.445.981.777	9.263.180.441	9.166.203.222
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.748.779.414	2.445.981.777	9.263.180.441	9.166.203.222
8. Chi phí bán hàng	25		3.625.669.787	3.065.224.963	8.133.930.543	11.795.393.589
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	4.577.835.846	5.161.195.456	12.270.204.356	19.088.555.546
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.951.015.236	3.358.781.640	13.089.200.767	4.254.122.779
11. Thu nhập khác	31		166.867.539	41.579.630	414.683.882	47.974.747
12. Chi phí khác	32	6.5	479.704.261	21.232.990	486.635.417	43.104.221
13. Lợi nhuận khác	40		(312.836.722)	20.346.640	(71.951.535)	4.870.526
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.638.178.514	3.379.128.280	13.017.249.232	4.258.993.305
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	2.644.063.042	892.804.862	2.996.653.403	1.148.474.729
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		8.994.115.472	2.486.323.418	10.020.595.829	3.110.518.576
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		257	71	286	88,87
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		257	71	286	88,87

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hà Nam, ngày 19 tháng 01 năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC

CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN

TP. PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM

Đoàn Văn Thành

Nguyễn Thị Hằng

Đặng Thị Chinh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo phương pháp gián tiếp

Quý IV/2023

Mẫu số B 03a-DN

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		13.017.249.232	4.258.993.305
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		20.925.457.081	20.562.061.940
- Các khoản dự phòng	03		(212.775.000)	141.890.000
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.895.671.072)	(133.294.060)
- Chi phí lãi vay	06		9.263.180.441	9.166.203.222
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		40.097.440.682	33.995.854.407
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(7.087.662.194)	(30.182.306.413)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		7.196.290.815	36.250.365.114
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		10.025.970.650	9.856.496.095
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.220.976.072)	770.564.857
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(9.263.180.441)	(9.166.203.222)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.276.296.658)	(1.354.153.933)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		37.471.586.782	40.170.616.905
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(12.009.458.551)	(4.493.115.471)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		347.732.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(205.883.481)	(116.937.104)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.748.779.414	133.294.060
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(9.118.830.618)	(4.476.758.515)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**Mẫu số B 03a-DN***Theo phương pháp gián tiếp*

Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu				
2. mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		218.361.827.257	202.847.825.229
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(215.454.792.906)	(229.794.827.978)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		2.907.034.351	(26.947.002.749)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		31.259.790.515	8.746.855.641
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		34.600.740.604	25.853.884.963
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		65.860.531.119	34.600.740.604

Hà Nam, ngày 19 tháng 01 năm 2024

NGƯỜI LẬP**Nguyễn Thị Hằng****KẾ TOÁN TRƯỞNG****Đặng Thị Chinh****TỔNG GIÁM ĐỐC****Đoàn Văn Thành**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700210210 đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 08 năm 2002, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 10 tháng 01 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp. Công ty được chuyển đổi loại hình từ Công ty TNHH sang Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 ngày 14 tháng 01 năm 2019.

Vốn điều lệ của Công ty: theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 16 ngày 23 tháng 11 năm 2023 là 350.000.000.000 VND (Bằng chữ: Ba trăm năm mươi tỷ đồng).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng và sản xuất.

Ngành nghề kinh doanh như sau:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, công trình cấp thoát nước, công trình điện đến 500KV);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;

- Phá dỡ;

- Chuẩn bị mặt bằng;

- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng ;

Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng gạch, ngói, xi măng, đá, cát, sỏi, mua bán gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, mua bán kính xây dựng, sơn, véc ni, vật tư thiết bị ngành nước, mua bán tre nứa, gỗ cầu và gỗ chế biến, mua bán đồ ngũ kim.

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;

Chi tiết: Mua bán sắt thép.

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;

Chi tiết: Mua bán xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng và các sản phẩm liên quan.

- Đại lý, môi giới, đấu giá.

Chi tiết: Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa;

- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;

Chi tiết: Sản xuất bê tông trộn sẵn, tấm bê tông đúc sẵn, ống, cột bê tông, cọc bê tông cốt thép.

- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;

Chi tiết: Sản xuất vật liệu từ đất, sản xuất gạch bằng lò tuynel...

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;

Chi tiết: Đầu tư và kinh doanh khách sạn.

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;

- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục);

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ Quý IV năm 2023

Mẫu số B09A-DN

- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động;
Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài.
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
Chi tiết: Sản xuất thiết bị ngành nước.
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Sản xuất giày dép;
- Đầu tư và kinh doanh điện năng; đầu tư và kinh doanh khu vui chơi giải trí và du lịch sinh thái; tôi thép, mạ kim loại; sản xuất và kinh doanh thiết bị, vật tư ngành điện, composite; kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tại đơn vị là 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 53/2015/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ Kế toán hiện hành đang áp dụng.

Cơ sở hoạt động liên tục

Các báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong tương lai có thể nhìn thấy trước.

3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022 của Công ty.

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

4.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là: các khoản tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng có kỳ hạn.

4.4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tức thời.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho trích lập theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Chuẩn mực kế toán số 02 về hàng tồn kho.

4.6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng của pháp luật.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý IV năm 2023

Mẫu số B09A-DN

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05-50 năm
- Máy móc, thiết bị	03-15 năm
- Phương tiện vận tải	06-15 năm
- Thiết bị văn phòng	03-07 năm

4.7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm.

4.8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Số dư các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm báo cáo được phân loại và phản ánh trên báo cáo như sau:

- Là khoản nợ ngắn hạn nếu có thời hạn phải thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Là khoản nợ dài hạn nếu có thời hạn phải thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh).

4.9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Vay được ghi nhận theo số tiền vay mà Công ty nhận được theo hợp đồng vay;

4.10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

4.11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

4.12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý IV năm 2023

Mẫu số B09A-DN

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

d) Doanh thu hợp đồng xây dựng

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở để xác định doanh thu được xác định theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành trên cơ sở có quyết toán khối lượng giữa chủ đầu tư và nhà thầu thi công.

e) Thu nhập khác

Là khoản thu được từ các hoạt động khác ngoài các hoạt động đã nêu trên.

4.13. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Giảm trừ doanh thu là các khoản: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại trong năm của Công ty.

4.14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, giá thành sản phẩm của sản phẩm xây lắp bán ra trong năm, đảm bảo:

- Nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và giá vốn;
- Đảm bảo nguyên tắc thận trọng, ghi nhận ngay các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho;

4.15. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

4.16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

4.17. Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Doanh thu từ hoạt động xây lắp và bán hàng hóa chịu thuế suất thuế GTGT là 8% và 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Các loại thuế khác:

Các loại thuế khác theo luật quy định.

4.18. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.19. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý IV năm 2023

Mẫu số B09A-DN

30 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Chi tiết giao dịch với các bên liên quan được trình bày tại mục thuyết minh số 8.5.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023

Mẫu số B 09a-DN

Đơn vị tính: VND

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2023	01/01/2023
Tiền mặt	4.963.628.769	2.006.049.870
Tiền gửi ngân hàng	60.896.902.350	32.594.690.734
Cộng	65.860.531.119	34.600.740.604

5.2. Phải thu khách hàng

a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	31/12/2023	01/01/2023
Phải thu khách hàng trong nước (chi tiết chiếm tỷ trọng lớn trên tổng khoản phải thu)	205.979.257.391	204.483.995.071
- Ban quản lý dự án Lưới Điện	124.023.846.472	120.423.091.552
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Thương mại Tân Việt	8.343.994.212	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Xây lắp Công nghiệp Thăng Long	10.260.415.853	12.047.666.959
- Công ty Điện lực Hà Nam - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực miền Bắc	20.903.865.342	4.916.393.582
- Ban quản lý dự án lưới điện Hà Nội - Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hà Nội	9.898.641.048	32.223.377.752
- Công ty Cổ phần Thái Bình Dương	1.553.536.400	3.310.155.231
- Ban quản lý dự án phát triển điện lực Hà Nội - Tổng công ty điện lực thành phố Hà Nội	17.466.122.442	27.466.122.442
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng Hà Thành	2.188.697.707	2.188.697.707
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Xử lý nền móng Thành Đông	4.239.180.621	12.383.459.891
- Công ty cổ phần đầu tư Nam Việt Hà Nội	6.708.761.040	7.142.011.780
- Ban Quản Lý Dự Án Xây Dựng Điện Miền Bắc - Chi Nhánh Tổng Công Ty Điện Lực Miền Bắc	19.843.152.480	1.354.293.000
- Công ty Cổ phần bê tông & nền móng Phước Thịnh	10.247.580.623	11.565.374.888
- Công ty Cổ phần bê tông & nền móng Phước Thịnh	12.369.898.704	5.825.538.320
Phải thu khách hàng khác	81.955.410.919	84.060.903.519
Cộng	205.979.257.391	204.483.995.071
b) Phải thu khách hàng dài hạn		
- Công ty TNHH Hai Pha Việt Nam	10.170.974.558	10.170.974.558
Cộng	10.170.974.558	10.170.974.558
c) Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan		

5.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
- Công ty TNHH phát triển kỹ thuật Việt Nam	-	2.150.902.490
- Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại Ngãi Cầu	1.443.539.760	1.282.948.011
- Công ty TNHH đầu tư xây lắp Tiến Phát	775.202.091	775.202.091
- Công ty cổ phần cơ điện Đại Dũng	6.705.199.487	27.078.876
- Công ty cổ phần GVI	4.471.089.168	-
- Các công ty khác	1.087.420.754	980.193.870
Cộng	14.482.451.260	5.216.325.338

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023

Mẫu số B 09a-DN

Đơn vị tính: VND

5.4. Phải thu khác

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	60.272.100	-	3.161.328.550	-
- Phải thu khác	-	-	3.146.328.550	-
Tiền giải phóng mặt bằng	-	-	3.146.328.550	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	60.272.100	-	15.000.000	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	60.272.100	-	3.161.328.550	-

c) Phải thu khác là các bên liên quan

5.5. Hàng tồn kho

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	33.026.928.507	-	38.613.221.582	-
Chi phí SXKD dở dang	26.903.552.572	-	21.100.654.878	-
Thành phẩm nhập kho	32.411.520.538	-	39.824.415.972	-
Hàng hóa	-	-	-	-
Cộng	92.342.001.617	-	99.538.292.432	-

5.6. Chi phí trả trước

	31/12/2023	01/01/2023
a) Ngắn hạn	-	-
b) Dài hạn	4.578.870.604	2.357.894.532
Chi phí sửa chữa tài sản	55.000.000	226.434.666
Công cụ dụng cụ xuất dùng	138.456.504	639.619.866
Chi phí trả trước khác	4.385.414.100	1.491.840.000
Cộng	4.578.870.604	2.357.894.532

5.7. Tài sản dở dang dài hạn

a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

b) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản

Xây dựng Trung tâm TM & TH Trường Sơn

Trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 30m3/ngày/đêm thuộc dự án "Nhà máy sản xuất xuất cột, cọc bê tông dự ứng lực"

Cộng

	31/12/2023	01/01/2023
	32.348.339.963	31.476.813.706
	31.803.307.240	31.476.813.706
	545.032.723	-
Cộng	32.348.339.963	31.476.813.706

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023

5.8 . NỢ XẤU

Mẫu số B 09a-DN

Đơn vị tính : VND

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc
- Các khoản phải thu ngắn hạn	356.215.480	-	(356.215.480)	568.990.480
+ Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây lắp K18	283.780.000	-	(283.780.000)	283.780.000
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Điện lực và Hạ tầng Đông Nam Á		-	-	212.775.000
+ Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Bình Minh	72.435.480	-	(72.435.480)	72.435.480
Cộng	356.215.480	-	(356.215.480)	568.990.480
				(568.990.480)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023

Mẫu số B 09a-DN

5.9. Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2023		01/01/2023		<i>Đơn vị tính : VND</i>
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)
a) Chứng khoán kinh doanh					
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.011.575.963	3.011.575.963	-	2.805.692.482	2.805.692.482
Tiền gửi có kỳ hạn	3.011.575.963	3.011.575.963	-	2.805.692.482	2.805.692.482
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	-	-	-
Cộng	3.011.575.963	3.011.575.963	-	2.805.692.482	2.805.692.482

(i) Tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng mở tại Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023

5.10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Mẫu số B 09a-DN

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	119.057.926.206	119.946.571.954	45.099.418.386	966.299.727	285.070.216.273
Tăng trong kỳ	5.328.753.610	5.755.230.000	-	-	11.083.983.610
- Mua trong kỳ	5.328.753.610	5.755.230.000	-	-	11.083.983.610
Giảm trong kỳ	-	5.647.578.037	307.422.381	-	5.955.000.418
- Thanh lý, nhượng bán	-	5.647.578.037	307.422.381	-	5.955.000.418
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	124.386.679.816	120.054.223.917	44.791.996.005	966.299.727	290.199.199.465
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	50.560.792.603	44.512.174.465	22.136.411.591	700.747.439	117.910.126.098
Tăng trong kỳ	6.669.403.594	10.775.157.039	3.400.048.044	80.848.404	20.925.457.081
- Số khấu hao trong kỳ	6.669.403.594	10.775.157.039	3.400.048.044	80.848.404	20.925.457.081
Giảm trong kỳ	-	5.500.686.379	307.422.381	-	5.808.108.760
- Thanh lý, nhượng bán	-	5.500.686.379	307.422.381	-	5.808.108.760
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	57.230.196.197	49.786.645.125	25.229.037.254	781.595.843	133.027.474.419
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	68.497.133.603	75.434.397.489	22.963.006.795	265.552.288	167.160.090.175
2. Tại ngày cuối kỳ	67.156.483.619	70.267.578.792	19.562.958.751	184.703.884	157.171.725.046

- Giá trị còn lại của Tài sản thế chấp cầm cố:

- Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết, đang sử dụng:

59.822.457.512 VND

47.037.936.331 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023

5.11. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2023				01/01/2023				Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		
a) Vay ngắn hạn									
Vay ngắn hạn ngân hàng VND									
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nam (1)	99.318.017.250	99.318.017.250	224.774.454.941	215.454.792.906	89.998.355.215	89.998.355.215	89.998.355.215	89.998.355.215	89.998.355.215
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hà Nam (2)	92.505.389.566	92.505.389.566	218.361.827.257	209.150.855.722	83.294.418.031	83.294.418.031	83.294.418.031	83.294.418.031	83.294.418.031
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nam (3)	53.418.863.255	53.418.863.255	101.709.457.000	76.004.593.391	27.713.999.646	27.713.999.646	27.713.999.646	27.713.999.646	27.713.999.646
Vay dài hạn đến hạn trả									
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hà Nam (4)	23.116.708.695	23.116.708.695	81.198.187.155	94.261.371.413	36.179.892.953	36.179.892.953	36.179.892.953	36.179.892.953	36.179.892.953
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nam (5)	15.969.817.616	15.969.817.616	35.454.183.102	38.884.890.918	19.400.525.432	19.400.525.432	19.400.525.432	19.400.525.432	19.400.525.432
b) Vay dài hạn									
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hà Nam (4)	6.812.627.684	6.812.627.684	6.412.627.684	6.303.937.184	6.703.937.184	6.703.937.184	6.703.937.184	6.703.937.184	6.703.937.184
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nam (5)	4.812.627.684	4.812.627.684	4.812.627.684	5.103.937.184	5.103.937.184	5.103.937.184	5.103.937.184	5.103.937.184	5.103.937.184
Cộng	2.000.000.000	2.000.000.000	1.600.000.000	1.200.000.000	1.600.000.000	1.600.000.000	1.600.000.000	1.600.000.000	1.600.000.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hà Nam (4)	8.598.460.203	8.598.460.203	-	6.412.627.684	15.011.087.887	15.011.087.887	15.011.087.887	15.011.087.887	15.011.087.887
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nam (5)	7.398.460.203	7.398.460.203	-	4.812.627.684	12.211.087.887	12.211.087.887	12.211.087.887	12.211.087.887	12.211.087.887
Cộng	1.200.000.000	1.200.000.000	-	1.600.000.000	2.800.000.000	2.800.000.000	2.800.000.000	2.800.000.000	2.800.000.000
Cộng	107.916.477.453	107.916.477.453	224.774.454.941	221.867.420.590	105.009.443.102	105.009.443.102	105.009.443.102	105.009.443.102	105.009.443.102
Vay và nợ thuê tài chính là bên liên quan									

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023

Mẫu số B 09a-DN

Đơn vị tính: VND

5.12. Phải trả người bán

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	54.301.651.977	54.301.651.977	74.310.233.847	74.310.233.847
Các khoản phải trả người bán chiếm tỷ trọng lớn	21.536.312.470	21.536.312.470	46.721.192.324	46.721.192.324
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng Hà Thành	5.914.218.167	5.914.218.167	9.561.907.456	9.561.907.456
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Thương mại Tân Việt	2.498.325.059	2.498.325.059	3.060.223.625	3.060.223.625
- Công ty TNHH Duyên Hà	6.825.930.491	6.825.930.491	8.768.125.560	8.768.125.560
- Công ty TNHH HBT Toàn Cầu	2.368.133.822	2.368.133.822	7.171.190.892	7.171.190.892
- Công ty Cổ phần Thương Mại Thành Nam	3.004.491.700	3.004.491.700	5.740.846.100	5.740.846.100
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật tư Hưng Thịnh	578.171.824	578.171.824	2.477.782.064	2.477.782.064
- Công ty TNHH Kim Khí Phú Hưng	129.899.084	129.899.084	6.910.975.787	6.910.975.787
- Công ty TNHH Đầu tư và Xây lắp Tùng Bách	217.142.323	217.142.323	3.030.140.840	3.030.140.840
Các khoản phải trả người bán khác	32.765.339.507	32.765.339.507	27.589.041.523	27.578.054.735
Cộng	54.301.651.977	54.301.651.977	74.310.233.847	74.299.247.059

b) Các khoản phải trả người bán dài hạn**c) Phải trả người bán là các bên liên quan****5.13. Người mua trả tiền trước****a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2023	01/01/2023
- Ban Quản lý dự án truyền tải điện - Chi nhánh Tổng công ty Truyền tải điện Quốc Gia	7.396.132.544	1.276.711.296
- Công ty Điện lực Nam định-Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Miền Bắc	1.690.000.000	-
- Chi nhánh Tổng công ty Điện lực miền Nam TNHH - Ban Quản lý dự án Lưới điện miền Nam	13.487.369.000	-
- Tổng công ty Điện lực miền Nam TNHH	21.692.492.885	-
- Sở Công Thương tỉnh Hòa Bình	1.000.000.000	-
- Công ty Điện Lực Phú Thọ - Chi Nhánh Tổng Công Ty Điện Lực Miền Bắc	-	4.524.108.011
- Ban quản lý dự án phát triển điện lực	-	1.910.710.133
- Các khoản người mua trả tiền trước khác	360.000.000	964.573.249
Cộng	45.625.994.429	8.676.102.689

b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan**5.14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước****a) Phải nộp**

	01/01/2023	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp/bù trừ trong kỳ	31/12/2023
- Thuế GTGT	-	19.902.716.544	17.753.194.635	2.149.521.909
- Thuế TNDN	1.054.562.811	2.996.653.403	1.276.296.658	2.774.919.556

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**Mẫu số B 09a-DN**

Đơn vị tính: VND

Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023

- Thuế TNCN	47.232.566	45.391.455	1.841.111
- Các loại thuế khác	750.949.800	750.949.800	-
Cộng	1.054.562.811	23.697.552.313	19.825.832.548
b) Phải thu			4.926.282.576
- Thuế GTGT nộp thừa	246.041.324	246.041.324	-
- Thuế TNCN	-	-	-
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	225.284.940
- Thuế tài nguyên	-	-	225.284.940
Cộng	246.041.324	246.041.324	225.284.940

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.15. Chi phí phải trả**a) Ngắn hạn**

- Chi phí lãi vay phải trả

b) Dài hạn**Cộng**

	31/12/2023	01/01/2023
	226.918.665	-
	226.918.665	-
	-	-
	226.918.665	-

5.16. Các khoản phải trả khác**a) Ngắn hạn**

- Nhận ký quỹ ký cược

- Các khoản phải trả khác

Cộng**b) Dài hạn**

	31/12/2023	01/01/2023
	-	1.685.620.905
	-	7.500.000.000
	-	9.185.620.905

5.17. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	350.000.000.000	-	9.940.862.180	359.940.862.180
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	3.010.518.576	3.010.518.576
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-
Số dư đầu năm nay	350.000.000.000	-	12.951.380.756	362.951.380.756
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	10.020.595.829	10.020.595.829
Trả thù lao HĐQT, BKS	-	-	(108.000.000)	(108.000.000)
Số dư cuối kỳ này	350.000.000.000	-	22.863.976.585	372.863.976.585

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữuTỷ lệ sở hữu tại
31/03/2023

Vốn góp của các đối tượng khác

- Ông Nguyễn Văn Trường

- Bà Hoàng Kim Huế

- Bà Nguyễn Diệu Linh

- Ông Đặng Văn Thuyết

- Ông Nguyễn Xuân Chính

- Các đối tượng khác

Cộng

	31/12/2023	01/01/2023
	20,00%	70.000.000.000
	10,00%	35.000.000.000
	5,00%	17.500.000.000
	3,00%	10.500.000.000
	2,00%	7.000.000.000
	60,00%	210.000.000.000
	100%	350.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023

Mẫu số B 09a-DN

Đơn vị tính: VND

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Năm nay	Năm trước
- Vốn góp đầu năm	350.000.000.000	350.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	350.000.000.000	350.000.000.000

Cổ phiếu**Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành****Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng**

	31/12/2023	01/01/2023
- Cổ phiếu phổ thông	35.000.000	35.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	35.000.000	35.000.000

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

	35.000.000	35.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	35.000.000	35.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý IV năm nay	Quý IV năm trước
- Doanh thu hoạt động xây lắp	137.576.957.563	82.901.997.910
- Doanh thu bán hàng	87.351.367.664	61.243.188.483
Cộng	224.928.325.227	144.145.186.393
Doanh thu các bên liên quan	-	-

6.2. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

	Quý IV năm nay	Quý IV năm trước
- Giá vốn hoạt động xây lắp	129.648.870.302	76.758.077.826
- Giá vốn bán hàng	72.471.776.518	53.447.855.879
Cộng	202.120.646.820	130.205.933.705

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý IV năm nay	Quý IV năm trước
Lãi tiền gửi, cho vay	159.183.427	97.532.148
Cộng	159.183.427	97.532.148

6.4. Chi phí tài chính

	Quý IV năm nay	Quý IV năm trước
Lãi tiền vay	2.748.779.414	2.445.981.777
Cộng	2.748.779.414	2.445.981.777

6.5. Chi phí khác

	Quý IV năm nay	Quý IV năm trước
Các khoản chi phí khác	479.704.261	21.232.990
Cộng	479.704.261	21.232.990

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023

Mẫu số B 09a-DN

Đơn vị tính: VND

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi tiết các khoản chiếm tỷ trọng lớn trên tổng chi phí quản lý doanh nghiệp

*Chi phí nhân công**Chi phí khấu hao tài sản cố định*

Chi phí quản lý doanh nghiệp khác

Cộng**Quý IV năm nay****Quý IV năm trước**

3.144.222.897

620.695.813

2.732.429.178

395.127.403

411.793.719

225.568.410

1.433.612.949

2.126.256.111

4.577.835.846**5.161.195.456****6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế

- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế

+ *Chi phí không được trừ*

Truy thu thuế TNDN các năm trước

Thu nhập chịu thuế

Thuế suất thuế TNDN

Chi phí thuế TNDN hiện hành**Quý IV năm nay****Quý IV năm trước**

11.638.178.514

3.379.128.280

473.467.460

615.336.440

473.467.460

615.336.440

221.733.847

93.911.918

12.111.645.974

3.994.464.720

20%

20%

2.644.063.042**892.804.862****7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ****8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****8.1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác****8.2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính****8.3. Báo cáo bộ phận****8.4. Các sự kiện quan trọng phát sinh trong kỳ tài chính****8.5. Công cụ tài chính**

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường

- Rủi ro tín dụng

- Rủi ro thanh khoản

Ban Lãnh đạo chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Lãnh đạo thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Lãnh đạo xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023

Mẫu số B 09a-DN

Đơn vị tính: VND

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Lãnh đạo cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
31/12/2023			
Tiền và các khoản tương đương tiền	65.860.531.119		65.860.531.119
Phải thu khách hàng	205.979.257.391		205.979.257.391
Đầu tư	3.011.575.963	-	3.011.575.963
Phải thu khác	60.272.100	-	60.272.100
Tài sản tài chính khác	-		-
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(356.215.480)	-	(356.215.480)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư		-	-
Tổng cộng	274.555.421.093	-	274.555.421.093
Các khoản vay và nợ	99.318.017.250	8.598.460.203	107.916.477.453
Phải trả người bán	54.301.651.977		54.301.651.977
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	226.918.665	-	226.918.665
Tổng cộng	153.846.587.892	8.598.460.203	162.445.048.095
Chênh lệch thanh khoản thuần	120.708.833.201	(8.598.460.203)	112.110.372.998

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023

Mẫu số B 09a-DN

Đơn vị tính: VND

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
01/01/2023			
Tiền và các khoản tương đương tiền	34.600.740.604		34.600.740.604
Phải thu khách hàng	204.483.995.071		204.483.995.071
Đầu tư	2.805.692.482	-	2.805.692.482
Phải thu khác	3.161.328.550	-	3.161.328.550
Tài sản tài chính khác	-		-
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(568.990.480)		(568.990.480)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư		-	-
Tổng cộng	244.482.766.227	-	244.482.766.227
Các khoản vay và nợ	89.998.355.215	15.011.087.887	105.009.443.102
Phải trả người bán	74.310.233.847		74.310.233.847
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	9.185.620.905	-	9.185.620.905
Tổng cộng	173.494.209.967	15.011.087.887	188.505.297.854
Chênh lệch thanh khoản thuần	70.988.556.260	(15.011.087.887)	55.977.468.373

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ được tính bằng giá gốc trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2023	01/01/2023	31/12/2023	01/01/2023
Tài sản tài chính				
Phải thu khách hàng và phải thu khác	206.039.529.491	207.645.323.621	205.683.314.011	207.076.333.141
Tài sản khác	32.573.624.903	32.274.768.244	32.573.624.903	32.274.768.244
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	331.674.900.000	(*)	(*)
Tiền và các khoản tương đương tiền	65.860.531.119	34.600.740.604	65.860.531.119	34.600.740.604
Tổng cộng	304.473.685.513	606.195.732.469	(*)	(*)
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	107.916.477.453	105.009.443.102	107.916.477.453	105.009.443.102
Phải trả người bán	54.301.651.977	74.310.233.847	54.301.651.977	74.310.233.847
Phải trả khác	-	9.185.620.905	-	9.185.620.905
Tổng cộng	162.218.129.430	188.505.297.854	162.218.129.430	188.505.297.854

(*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này để thuyết minh theo quy định tại điều 28 Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh.

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2023 và ngày 01/01/2023. Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023

Mẫu số B 09a-DN

Đơn vị tính: VND

8.6. Thông tin về các bên liên quanCác bên liên quan:

Trong kỳ kế toán và tại ngày kết thúc kỳ kế toán, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Bên liên quan	Địa điểm	Quan hệ
Ông Nguyễn Văn Trường	Hà Nam	Chủ tịch HĐQT
Ông Đoàn Văn Thành	Hà Nam	Tổng Giám đốc
Ông Lê Sơn Tùng	Hà Nam	Phó Tổng giám đốc
Ông Đặng Văn Thuyết	Hà Nam	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Xuân Chính	Hà Nam	Thành viên HĐQT
Bà Chu Hải Yến	Hà Nam	Trưởng BKS
Bà Hoàng Thị Thảo	Hà Nam	Thành viên BKS
Ông Nguyễn Văn Thỏa	Hà Nam	Thành viên BKS

Lương và thù lao chi trả trong kỳ cho các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc:

Họ và tên	Chức vụ	Quý IV năm nay (VND)	Quý IV năm trước (VND)
Ông Nguyễn Văn Trường	Chủ tịch HĐQT	66.276.000	39.354.976
Ông Đoàn Văn Thành	Tổng Giám đốc	58.919.600	24.605.769
Ông Lê Sơn Tùng	Phó Tổng giám đốc	55.166.400	15.940.385
Ông Đặng Văn Thuyết	Thành viên HĐQT	58.166.400	15.940.923
Ông Nguyễn Xuân Chính	Thành viên HĐQT	58.166.400	24.000.000
Bà Chu Hải Yến	Trưởng BKS	34.307.200	19.305.577
Bà Hoàng Thị Thảo	Thành viên BKS	33.307.200	10.626.923
Ông Nguyễn Văn Thỏa	Thành viên BKS	35.307.200	10.626.923
Tổng cộng		399.616.400	160.401.476

8.7. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Báo cáo tài chính Quý IV năm 2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư và xây lắp Trường Sơn do công ty tự lập.

8.8. Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

8.9. Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Hằng

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Đặng Thị Chinh

Hà Nam, ngày 19 tháng 01 năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC

Đoàn Văn Thành